

SỰ HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN BỘ CỦA MIỀN ĐIỆN DƯỚI THỜI THUỘC ĐỊA ANH

ĐÀM THỊ ĐÀO*

Tóm tắt: Bài viết phân tích mục tiêu, phương thức và hệ quả của quá trình xác lập đường biên giới trên bộ của Miền Điện thời thuộc địa Anh với Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan và Lào trong giai đoạn 1824-1948. Quá trình này được triển khai thông qua các hiệp ước, công ước, thương lượng song phương cùng hoạt động phân giới và cắm mốc ngoài thực địa, dẫn đến việc hình thành một hệ thống ranh giới cố định, phần lớn vẫn được duy trì cho tới ngày nay. Tuy nhiên, cách tiếp cận mang tính kỹ trị của thực dân Anh không tính đến lịch sử cư trú và di cư của nhiều cộng đồng tộc người khiến không gian sinh sống truyền thống của họ bị chia cắt và trở thành nguyên nhân sâu xa của những căng thẳng, tranh chấp kéo dài đến nay.

Từ khóa: Phân định biên giới, Miền Điện thuộc Anh, Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử

Abstract: This article examines the objectives, methods, and consequences of the formation of Burma's land boundaries with India, China, Thailand, and Laos during the period 1824-1948. The process was carried out through treaties, conventions, bilateral negotiations, and on-the-ground demarcation and boundary-marking, resulting in the creation of a fixed territorial framework, most of which has been preserved to the present day. However, the technocratic approach adopted by the British colonial administration overlooked the settlement and migration histories of numerous ethnic communities, leading to the partition of their traditional living spaces and becoming a deep-rooted source of the tensions and disputes that persist until today.

Keywords: Border demarcation, British Burma, India, China, Thailand

(Ngày nhận bài: 22/7/2025; ngày gửi phản biện: 31/7/2025; ngày duyệt bài: 5/9/2025)

Mở đầu

Biên giới lãnh thổ được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào quan điểm của các học giả luật quốc tế. Theo Jennings & Watts (1992), biên giới lãnh thổ của một quốc gia là “những đường tưởng tượng trên bề mặt trái đất, phân tách lãnh thổ của một quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác, hoặc với lãnh thổ chưa được xác lập chủ quyền, hoặc với biển cả”¹. Ở góc độ chức năng, Brownlie (1979) coi biên giới là “một sự sắp đặt, một đường mô tả bằng lời trong hiệp ước, và/hoặc thể hiện trên bản đồ hoặc hải đồ, và/hoặc được đánh dấu ngoài thực địa bằng các chỉ dấu vật

* TS., Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
Email: damdao2@gmail.com

¹ Jennings, R. and A. Watts (eds), *Oppenheim's International Law (9th edition)* (London: Longman, 1992): 661.

lý”². Lịch sử cho thấy, dù chỉ là những “đường tưởng tượng”, biên giới luôn tạo ra những tác động cụ thể và hữu hình, vừa mang chức năng phòng thủ, vừa xác lập ranh giới mà nếu vượt qua có thể dẫn đến xung đột. Trong bối cảnh hiện đại, đường biên giới còn là biểu tượng của sự công nhận lẫn nhau về chủ quyền giữa các quốc gia³. Tuy nhiên, cách hiểu về biên giới lãnh thổ không phải lúc nào cũng thống nhất, mà thay đổi tùy theo từng chủ thể và bối cảnh lịch sử - chính trị cụ thể.

Trong bối cảnh tiền hiện đại, ở châu Á, đặc biệt tại Đông Nam Á, biên giới thường được xem như “vùng đệm” hoặc “vùng biên lưu động” gắn với quan hệ triều cống và mạng lưới bảo trợ chính trị - văn hóa⁴. Ở các vương quốc như Miến Điện, Xiêm hay các tiểu quốc Shan, quyền lực trung ương suy yếu dần khi đi xa khỏi khu vực hạt nhân; mối quan hệ giữa nhà vua và thủ lĩnh địa phương chủ yếu được duy trì qua những hình thức tượng trưng như cống nạp, hôn nhân chính trị, liên minh quân sự tạm thời hay di cư khai hoang⁵. Trong trường hợp của Miến Điện thời Konbaung, ranh giới với Shan, Kachin hay Manipur thường là “vùng chồng lấn chủ quyền” chứ không phải những đường cố định. Ngược lại, trong thế kỷ XIX, các đế quốc thực dân phương Tây như Anh và Pháp áp dụng cách hiểu tuyến tính, cố định trên bản đồ và gắn chặt với khái niệm chủ quyền lãnh thổ hiện đại⁶. Việc xác lập ranh giới rõ ràng vừa phục vụ mục tiêu chính trị - quân sự, vừa nhằm kiểm soát tài nguyên và dòng di cư lao động⁷. Sự khác biệt căn bản này là mầm mống của những mâu thuẫn gay gắt giữa Miến Điện tiền thuộc địa và Anh trong thế kỷ XIX.

Cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ nhất (1824-1826) có thể coi là hệ quả trực tiếp của xung đột trong nhận thức về biên giới. Triều đình Amarapura vẫn xem biên giới là “vùng ảnh hưởng” truyền thống, tăng cường hiện diện quân sự tại Arakan, Manipur và Assam để khẳng định uy quyền mang tính biểu tượng, trong khi Anh coi những động thái đó là mối đe dọa trực tiếp đối với an ninh Bengal - trung tâm của Ấn

² Brownlie, I., *African Boundaries: A Legal and Diplomatic Encyclopaedia* (London: C, Hurst and Company, 1979): 3.

³ Brownlie, I., *African Boundaries: A Legal and Diplomatic Encyclopaedia*, tldd.

⁴ Lieberman, Victor, *Strange Parallels: Southeast Asia in Global Context, c.800-1830* (Cambridge: Cambridge University Press, Vol.1, 2003): 45-47.

⁵ Leach, Edmund R., “The frontiers of ‘Burma’”, *Comparative studies in society and history*, Vol 3, No 1 (Oct 1960): 49, 68, 59.

⁶ Scott, James C., *The Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia* (New Haven: Yale University Press, 2009): 49-51.

⁷ Furnivall, J.S., *Colonial Policy and Practice: A Comparative Study of Burma and Netherlands India* (Cambridge: Cambridge University Press, 2009).

Độ thuộc Anh⁸. Hiệp ước Yandabo (1826) đánh dấu việc áp đặt những ranh giới đầu tiên theo mô hình châu Âu giữa Miến Điện và Ấn Độ, sử dụng các dãy núi tự nhiên (như Arakan Yoma) thay cho những vùng đệm linh hoạt trước kia⁹. Trong nửa đầu thế kỷ XIX, các hiệp ước và công ước tiếp theo với Anh, Trung Quốc và Xiêm tiếp tục củng cố mô hình biên giới tuyến tính này. Một số thỏa thuận giúp giảm xung đột quân sự, nhưng đồng thời cũng cắt đứt các liên kết kinh tế - xã hội truyền thống giữa các cộng đồng tộc người hai bên, vốn trước đó duy trì quan hệ trao đổi tự do qua các vùng đệm¹⁰.

Bài viết phân tích quá trình hình thành các đường biên giới trên bộ của Miến Điện với Ấn Độ, Trung Quốc, Xiêm (Thái Lan) và Lào trong giai đoạn 1824-1948, tập trung làm rõ hai luận điểm chính. *Thứ nhất*, tiến trình này đã góp phần định hình lãnh thổ hiện đại của Miến Điện trước đây, Myanmar ngày nay. *Thứ hai*, đó đồng thời là sự áp đặt quan niệm phân giới tuyến tính kiểu phương Tây, vốn xa lạ với cách hiểu truyền thống ở châu Á, để lại nhiều hệ quả lâu dài: trong khi một số ranh giới được duy trì ổn định, nhiều khu vực khác vẫn tiềm ẩn xung đột sắc tộc và tranh chấp lãnh thổ. Do đó, bài viết không chỉ góp phần tái hiện một giai đoạn quan trọng trong lịch sử Miến Điện mà còn đưa ra góc nhìn phê phán về tính hai mặt của việc áp dụng mô hình biên giới của châu Âu tại phương Đông trong lịch sử.

1. Sự hình thành đường biên giới trên bộ của Miến Điện (1824-1948)

1.1. Biên giới Miến Điện - Ấn Độ (thuộc Anh)

Biên giới giữa Miến Điện và Ấn Độ thuộc Anh được hình thành qua nhiều giai đoạn trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Đây là một quá trình phức tạp vì ban đầu Miến Điện là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh, sau đó mới trở thành một thuộc địa riêng biệt dưới sự cai trị trực tiếp của Anh.

Sau khi cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ nhất (1824-1826) kết thúc với thắng lợi thuộc về Anh, Hiệp ước Yandabo (1826) được ký kết giữa triều đình Ava và Công ty Đông Ấn. Theo đó, Miến Điện phải nhượng cho Anh một vùng lãnh thổ rộng lớn, bao gồm Arakan (Rakhine), dải ven biển Tanintharyi (Tenasserim) cùng các vùng Assam, Manipur và Cachar ở Đông Bắc Ấn vốn do Miến Điện chinh phục trước đó. Hiệp ước cũng quy định lấy dãy Arakan Yoma (Rakhine) làm ranh giới tự nhiên giữa

⁸ Harvey, G.E., *History of Burma: From the Earliest Times to 10 March 1824* (London: Frank Cass & Co, 1925): 202-2025.

⁹ Charney, Michael, *A History of Modern Burma* (Cambridge: Cambridge University Press, 2009): 88.

¹⁰ Thant Myint-U, *The Making of Modern Burma* (Cambridge: Cambridge University Press, 2001): 91.

Miến Điện và Bengal thuộc Anh, từ đó xác lập một phân quan trọng của đường biên Miến - Ấn. Tuy nhiên, khu vực biên giới Đông Bắc Ấn Độ vẫn tiếp tục được giải quyết bằng các thỏa thuận riêng. Thung lũng Kabaw (Kubo) ban đầu do Anh chiếm giữ, nhưng đến năm 1834, Anh đồng ý trao trả cho Miến Điện kèm theo việc ấn định một đường biên chạy dọc chân dãy núi phía Tây. Đường này do Đại úy Henry Pemberton vạch ra, về sau được gọi là “đường Pemberton” và trở thành một phần biên giới cố định giữa Manipur (Ấn Độ) và Thượng Miến¹¹.

Sau cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ hai (1852), Anh chiếm đóng toàn bộ vùng Hạ Miến (Pegu), khiến lãnh thổ của triều Konbaung bị thu hẹp chỉ còn Thượng Miến. Trong giai đoạn này, sông Sittaung và thị trấn Myede tạm thời được sử dụng làm ranh giới phía Nam, phân tách vùng đất độc lập của vương triều Konbaung với lãnh thổ do Anh trực tiếp kiểm soát. Chính quyền thuộc địa tiếp tục thúc đẩy công tác khảo sát và phân định chi tiết nhằm quản lý hiệu quả hơn các vùng biên viễn. Năm 1881, Đại tá Johnstone tiến hành đo đạc lại tuyến Pemberton và cắm mốc rõ ràng hơn. Triều đình Konbaung rút cuộc cũng chấp nhận giải pháp này, khép lại gần 75 năm tranh chấp ranh giới giữa Manipur và thung lũng Kabaw¹². Cuối cùng, sau cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ ba (1885), Anh thôn tính toàn bộ Thượng Miến và chính thức sáp nhập Miến Điện vào Ấn Độ thuộc Anh năm 1886. Kể từ đó, biên giới giữa Miến Điện và Ấn Độ chỉ còn mang tính chất hành chính nội bộ trong cùng một chính thể thực dân. Vào các năm 1894, 1896 và 1901, người Anh tiếp tục phân định các đường biên giới nội bộ giữa Miến Điện và Ấn Độ thuộc Anh. Đặc biệt, năm 1901, việc phân định giữa vùng đồi Lushai (thuộc Assam) và dãy Chin (Chin Hills) được hoàn tất, tạo nên đường ranh giới tương ứng với biên giới Miến Điện - Bangladesh ngày nay. Một số điều chỉnh nhỏ tiếp tục được tiến hành trong giai đoạn 1921-1922¹³.

Đạo luật của Chính phủ Ấn Độ thuộc Anh năm 1935 định nghĩa lãnh thổ Miến Điện gồm “toàn bộ các lãnh thổ nằm ở phía Đông Bengal, bang Manipur, Assam và các vùng bộ lạc phụ cận Assam...”. Đạo luật này cũng tuyên bố “Miến Điện sẽ không còn là một phần của Ấn Độ”¹⁴. Từ năm 1937, biên giới giữa hai bên chính thức mang tính quốc tế trong khuôn khổ đế quốc Anh. Sau khi Ấn Độ giành độc lập năm 1947 và nước Pakistan được thành lập, đoạn biên giới phía Nam của Miến Điện với Ấn Độ cũ

¹¹ Office of the Geographer, “Burma – India Boundary”, *International Border Study*, No. 80, May 15, 1968, <https://library.law.fsu.edu/Digital-Collections/LimitsinSeas/pdf/ibs080.pdf>, truy cập ngày 22/7/ 2025.

¹² Woodman, D., *The Making of Burma* (London: The Cresset Press, 1962): 159-60.

¹³ Office of the Geographer, “Burma – India Boundary”, tldd.

¹⁴ Parliament of the United Kingdom, *Government of India Act, 1935* (25 & 26 Geo. 5 c.42) (London: His Majesty's Stationery Office, 1942).

trở thành ranh giới với Đông Pakistan (nay là Bangladesh). Tiếp đó, khi Miến Điện giành độc lập năm 1948, toàn bộ các tuyến ranh giới với láng giềng đều được công nhận là biên giới quốc tế. Để hoàn tất việc phân định, năm 1967, Miến Điện và Ấn Độ ký Hiệp ước Biên giới, tiến hành xác định chi tiết và cắm mốc toàn bộ tuyến biên giới dài khoảng 1.643 km¹⁵.

Đoạn biên giới hiện nay giữa Miến Điện và Bangladesh bắt nguồn từ ranh giới lịch sử giữa tỉnh Arakan (Miến Điện) và vùng Chittagong (Bengal) thời thuộc địa. Từ thế kỷ XVIII, sông Naf dần trở thành đường phân chia tự nhiên giữa hai khu vực. Sau khi Anh kiểm soát Bengal từ năm 1760 và Miến Điện thôn tính Arakan năm 1784, một vùng đệm thưa dân cư hình thành giữa Ramu (Bengal) và sông Naf, song vẫn chưa có ranh giới rõ ràng. Chỉ đến thời thuộc địa Anh, sông Naf mới chính thức được công nhận là đường biên giới thực tế (de facto) giữa Arakan và Chittagong. Khi Anh rút khỏi khu vực này và Ấn Độ bị chia tách, sông Naf tiếp tục được duy trì làm biên giới quốc tế: giữa Miến Điện và Đông Pakistan từ năm 1947, sau đó là với Bangladesh từ năm 1971. Tuy nhiên, do chính quyền thực dân buông lỏng kiểm soát, tuyến biên giới này trong lịch sử khá thông thoáng, cho phép cư dân qua lại tự do. Hệ quả là sau khi độc lập, Miến Điện phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến nhập cư trái phép, buôn lậu và xung đột sắc tộc tại Rakhine, đặc biệt là vấn đề người Rohingya, và kéo dài cho tới hiện nay¹⁶.

1.2. Biên giới Miến Điện - Trung Quốc

Tuyến biên giới giữa Miến Điện và Trung Quốc được hình thành thông qua hàng loạt cuộc thương thuyết giữa Anh và triều đình nhà Thanh kể từ năm 1885, sau khi Anh kiểm soát Thượng Miến - khu vực tiếp giáp Vân Nam và Tây Tạng. Trước đó, vùng ranh giới Hoa - Miến vốn chỉ tồn tại dưới dạng “phiên thuộc” lỏng lẻo, là địa bàn cư trú của nhiều cộng đồng thiểu số như Shan, Kachin, Wa... Triều đình nhà Thanh coi đây là các “thuộc quốc” biên viễn nhưng hiếm khi can thiệp trực tiếp, trong khi triều Konbaung cũng quản lý hạn chế, chỉ xem đó như những vùng phen dậu xa xôi¹⁷. Ngược lại, chính quyền thuộc địa Anh chủ trương thiết lập một đường biên giới pháp lý rõ ràng nhằm xóa bỏ vùng đệm và ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc lan xuống Đông Nam Á.

¹⁵ Office of the Geographer, “Burma – India Boundary”, tldd.

¹⁶ Jacques P. Leider, “What Is Arakan? Territory, Historical Geography and the Ethno-National Dissent in Myanmar’s Rakhine State,” *Policy Brief Series*, No. 164 (2025): 1.

¹⁷ Office of the Geographer, “Burma – China Boundary”, *International Border Study*, No. 42, November 30, 1964, <https://www.claudearpi.in/wp-content/uploads/2021/02/1964-China-Burma-Border.pdf>, truy cập ngày 22/7/2025.

Quá trình đàm phán phân định biên giới giữa chính quyền Anh và nhà Thanh đạt được kết quả đầu tiên với việc ký kết Công ước Luân Đôn ngày 1 tháng 3 năm 1894. Theo đó, đường biên giới phía Nam giữa Miến Điện và tỉnh Vân Nam được xác lập đến vĩ tuyến 25°35' Bắc, tại “một đỉnh núi hình nón cao” - tương ứng với khu vực thượng nguồn sông Salween. Công ước 1894 cũng quy định thỏa thuận trao đổi đất đai giữa hai bên. Trung Quốc nhận lại các vùng Theinni (miền Bắc bang Shan), Kokang, Mönglem và Kiang - từng là chư hầu của triều đình Ava (Miến Điện). Đổi lại, Anh được triều đình nhà Thanh công nhận quyền kiểm soát đối với Teng Yueh (Thụy Lệ) và châu Yung Chang (Vĩnh Xương), vốn là những nơi Trung Quốc trước đây tuyên bố¹⁸. Như vậy, việc phân định ban đầu này chủ yếu dựa trên nguyên tắc trao đổi: Anh bỏ yêu sách với các tiểu bang Shan xa xôi để lấy được một số điểm chiến lược về an ninh và thương mại dọc biên giới với Vân Nam.

Tiếp đó, Hiệp ước Bắc Kinh được ký ngày 4 tháng 2 năm 1897 nhằm sửa đổi Công ước 1894, xác định lại đường biên giới phía Nam theo hướng có lợi hơn cho Anh. Theo hiệp ước này, đường biên giới từ vĩ tuyến 25°35' Bắc trở xuống (ngoại trừ khu vực bang Wa chưa thống nhất) được quy định cụ thể và cơ bản được duy trì suốt 63 năm sau đó. Đặc biệt, Điều II cho phép Anh thuê vĩnh viễn dải đất Namwan rộng khoảng 85 dặm vuông gần biên giới để thuận tiện cho việc quản lý. Tuy nhiên, phần biên giới phía Bắc vĩ tuyến 25°35' (giáp Tây Tạng và thượng nguồn sông Irrawaddy) vẫn bị bỏ ngỏ do hai bên chưa đạt được đồng thuận¹⁹.

Sau Hiệp ước 1897, Ủy ban Phân giới chung Anh - Thanh (1897-1900) được thành lập để cắm mốc trên thực địa cho đoạn biên giới đã thỏa thuận. Tuy nhiên, sau ba năm hoạt động, ủy ban này hầu như không đạt được kết quả nào đáng kể ngoài việc phối hợp trấn áp sự chống đối của các cộng đồng người Wa. Nguyên nhân bẻ tắc bắt nguồn từ những bất đồng sâu sắc về nguyên tắc, phương pháp và cơ sở xác lập chủ quyền. Phía Anh, do Scott đại diện, thường đơn phương vạch đường biên thay vì thương lượng song phương, rồi để phía Trung Quốc (Tướng Liu) chỉ có thể lựa chọn giữa việc chấp thuận hoặc phản đối. Anh chủ trương dựa vào tọa độ địa lý và các đường phân thủy tự nhiên để xác định ranh giới. Ngược lại, Trung Quốc viện dẫn tiêu chí “quản lý hành chính thực tế”, vốn mang tính tùy tiện và thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng. Chẳng hạn, chỉ sau vài năm thiết lập quyền kiểm soát sơ sài ở Chen Pien, nhà Thanh vẫn coi đây là bằng chứng cho quyền quản lý lâu dài. Thậm chí, theo quan điểm của

¹⁸ Woodman, D., *The Making of Burma*: 295.

¹⁹ Woodman, D., *The Making of Burma*: 456-57.

Bắc Kinh, sự hiện diện của một viên quan địa phương hay một thương nhân cũng có thể được xem là cơ sở khẳng định chủ quyền. Bên cạnh đó, vấn đề bất đồng ngôn ngữ và sự thiếu thống nhất trong hệ thống địa danh địa phương cũng gây khó khăn lớn cho cả hai bên trong việc xác định chính xác vị trí trên thực địa²⁰. Vì vậy, cho đến đầu thế kỷ XX, trong khi khoảng hai phần ba chiều dài đường biên giới Miến - Trung đã được phân định, đoạn còn lại ở vùng cực Bắc - nơi địa hình hiểm trở và dân cư thưa thớt - vẫn chưa được giải quyết.

Sau khi nhà Thanh sụp đổ năm 1912, chính quyền Trung Hoa Dân Quốc và phía Anh tiếp tục xử lý những đoạn biên giới còn tranh chấp. Trong khuôn khổ Hội nghị Simla năm 1914, với sự tham dự của đại diện Anh, Tây Tạng và Trung Quốc, đặc phái viên Anh Sir Henry McMahon đã đề xuất một tuyến biên giới mới: kéo dài từ Đông Bắc Ấn Độ qua dãy Himalaya và chạy dọc đường phân thủy giữa sông Irrawaddy và sông Salween ở khu vực giáp Miến Điện. Theo bản đồ do Anh lập ra, vùng thượng nguồn sông Irrawaddy (nay thuộc Putao, bang Kachin) được đưa vào lãnh thổ Miến Điện. Kết quả đàm phán đã gây chia rẽ: trong khi phái đoàn Tây Tạng chấp thuận tuyến ranh giới này, về sau gọi là “đường McMahon”, Chính phủ Bắc Dương của Trung Quốc từ chối ký kết, không công nhận tính hợp pháp của hội nghị và phản đối mọi nhượng bộ lãnh thổ²¹. Do vậy, Trung Hoa Dân Quốc không thừa nhận đường McMahon và tiếp tục coi vùng Putao của Miến Điện là một phần lãnh thổ lịch sử của mình.

Năm 1935, Chính phủ Anh và Trung Hoa Dân Quốc mở vòng đàm phán mới nhằm giải quyết các đoạn biên giới chưa được phân định rõ ràng tại bang Wa và bang Kachin. Sau sáu năm, hai bên đi đến ký kết Hiệp định Trùng Khánh ngày 18 tháng 6 năm 1941. Theo đó, Trung Quốc chấp nhận phần lớn các đường biên giới do phía Anh đề xuất, chỉ yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thuê dài hạn dải Namwan và thu hồi khu vực này. Đổi lại, Trung Quốc công nhận đường biên giới dựa trên ranh giới truyền thống giữa các nhóm sắc tộc địa phương - về sau trở thành cơ sở cho đường biên giới quốc tế hiện nay. Tuy nhiên, do bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai và tình hình bất ổn nội bộ tại Trung Quốc, Hiệp định Trùng Khánh đã không được cả hai bên phê chuẩn đầy đủ và do đó không có hiệu lực trên thực tế.²²

Sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập năm 1949, chính quyền Bắc Kinh tuyên bố không công nhận các thỏa thuận ký kết dưới thời Trung Hoa Dân Quốc

²⁰ Woodman, D., *The Making of Burma*: 463.

²¹ Woodman, D., *The Making of Burma*: 508.

²² Woodman, D., *The Making of Burma*: 330.

với lý do khu vực biên giới phía Bắc giữa Miến Điện và Trung Quốc chưa từng được phân định một cách công bằng. Tuy nhiên, đến năm 1960, trong bối cảnh quan hệ hữu nghị được thúc đẩy, chính quyền U Nu và Chính phủ Trung Quốc đã mở lại đàm phán và đạt được thỏa thuận chung. Ngày 18 tháng 1 năm 1960, hai bên ký Hiệp ước biên giới Trung - Miến, chính thức giải quyết các tranh chấp còn tồn tại. Theo đó, Miến Điện đồng ý nhượng cho Trung Quốc huyện Hpimaw (bang Kachin, diện tích khoảng 220 km²) và vùng Panhung - Panlao (khoảng 190 km²), đồng thời chấm dứt hiệu lực hợp đồng thuê đất Namwan. Đổi lại, Trung Quốc từ bỏ các yêu sách lãnh thổ rộng lớn khác và công nhận toàn bộ phần còn lại của đường biên giới theo ranh giới thực địa do Anh xác lập từ cuối thế kỷ XIX²³.

1.3. Biên giới Miến Điện - Xiêm (Thái Lan)

Dù có lịch sử giao tranh lâu đời ở vùng biên viễn, nhưng trong thời kỳ tiền thuộc địa, Miến Điện và Xiêm chưa từng xác định một đường biên giới rõ ràng. Sau khi Anh chiếm Arakan và Tenasserim năm 1826, hai bên ký Hiệp ước Hữu nghị và Thương mại (còn gọi là Hiệp ước Burney). Hiệp ước này quy định nếu xảy ra tranh chấp biên giới giữa Xiêm và lãnh thổ mới của Anh ở Miến Điện thì sẽ được giải quyết “một cách thiện chí”. Điều đó cho thấy vào thời điểm năm 1826, biên giới Miến - Xiêm mới chỉ dừng ở mức đạt được thỏa ước hòa bình. Trong giai đoạn 1825-1836, phái bộ do Đại úy Henry Burney dẫn đầu đã nỗ lực đàm phán để cắm mốc giữa tỉnh Tenasserim (thuộc Anh) và phần đất Xiêm liền kề. Tuy nhiên, phía Xiêm lại hiểu về “biên giới” theo cách khác. Triều đình Bangkok trả lời Burney rằng vùng đất giữa Xiêm và Miến vốn chỉ là núi rừng hoang vu, “người địa phương tự biết ranh giới, triều đình không cần vạch”²⁴. Do đó, phải đến khi củng cố xong quyền lực ở Hạ Miến, thực dân Anh mới ký với Xiêm Hiệp ước 1868 để xác định cụ thể ranh giới phía Nam. Đường biên giới này được hình thành dựa trên địa hình tự nhiên: lấy các con sông và dãy núi làm mốc phân chia. Bên cạnh đó, hai bên còn trao đổi ba tờ bản đồ phác thảo đường biên giới vừa thỏa thuận. Trên cơ sở đó, trong giai đoạn 1868-1870, một nhóm kỹ sư và quan chức địa phương đã tiến hành cắm các cột mốc biên giới đầu tiên dọc tuyến Tenasserim. Năm 1889, Chính phủ Xiêm đề xuất lập ủy ban hỗn hợp để rà soát lại một số khu vực tranh chấp dọc sông Salween ở biên giới phía Bắc. Đến năm 1892, hầu hết tuyến biên giới Miến - Xiêm ở phía Bắc (từ sông Salween tới khu vực Tam

²³ Woodman, D., *The Making of Burma*: 562-566.

²⁴ Tagliacozzo, E., “Ambiguous commodities, unstable frontiers: the case of Burma, Siam, and imperial Britain, 1800-1900”, *Comparative Studies in Society and History*, 46(2), (2004): 354-377.

giác Vàng) đã được hai bên thống nhất về nguyên tắc. Trong những năm 1892-1893, một ủy ban phân giới Anh - Xiêm đã tiến hành cắm mốc tại thực địa, với sự tham gia hạn chế của phía Xiêm (do bất ổn nội bộ). Kết quả cuối cùng được ghi nhận trong Hiệp ước Biên giới ngày 17 tháng 10 năm 1894. Theo đó, toàn bộ bang Shan và Karenni thuộc lãnh thổ Miến Điện thuộc Anh; Xiêm từ bỏ yêu sách phía Đông Salween. Đường biên giới phía Bắc kết thúc tại hợp lưu sông Nam Kok với sông Mekong, tức khu vực ngày nay gọi là Tam giác Vàng²⁵.

Từ năm 1895, đường biên giới giữa Miến Điện và Xiêm chỉ có một số điều chỉnh nhỏ, về cơ bản được giữ nguyên theo ranh giới do Anh vạch ra. Trong giai đoạn 1926-1927, hai bên thỏa thuận điều chỉnh đoạn biên giới qua sông Mae Sai. Đến năm 1934, hai nước ký kết trao đổi công hàm, quy định dịch đường ranh giữa tỉnh Kengtung (Miến Điện) và Chiang Mai (Xiêm) ra giữa dòng sông để thuận lợi cho việc quản lý. Năm 1937, một thỏa thuận tương tự được ký kết tại cực Nam Tenasserim, lấy dòng chảy chính của sông Pakchan làm ranh giới, đồng thời tiến hành trao đổi một số ngôi làng nhỏ để bảo đảm tính liền mạch của tuyến biên giới. Những điều chỉnh cuối cùng này đã hoàn tất việc xác lập đường biên Miến Điện - Xiêm, kéo dài liên tục từ khu vực Tam giác Vàng (giáp Lào) tới biển Andaman, với tổng chiều dài khoảng 2.416 km²⁶. Dù có một vài biến động trong Chiến tranh thế giới thứ hai do sự chiếm đóng của Nhật Bản (1942-1945), tuyến biên giới này của Miến Điện và Thái Lan không có thay đổi đáng kể nào. Tuy nhiên, khu vực này luôn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn an ninh do địa hình rừng núi hẻo lánh, là nơi cư trú của các cộng đồng Karen, Shan, Mon... Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Thái Lan từng dung túng một số lực lượng phiến quân sắc tộc chống chính quyền Miến Điện, dẫn đến nhiều vụ giao tranh lẻ tẻ dọc biên giới. Trong những năm gần đây, xung đột giữa quân đội Miến Điện và các nhóm vũ trang sắc tộc (đặc biệt là Karen và Shan) tiếp tục bùng phát, gây ra nhiều vụ đùng độ và buộc hàng chục nghìn dân thường phải tị nạn sang Thái Lan²⁷. Thực trạng này phần nào bắt nguồn từ việc đường ranh giới do thực dân Anh xác lập đã chia cắt cộng đồng các dân tộc, tạo điều kiện hình thành các lực lượng nổi dậy xuyên biên giới, trở thành thách thức an ninh chung của cả hai quốc gia, kéo dài đến tận thế kỷ XXI.

²⁵ Office of the Geographer, "Burma - Thailand boundary", *International Boundary Study*, No. 63, February 1, 1966, <https://library.law.fsu.edu/Digital-Collections/LimitsinSeas/pdf/ibs063.pdf>, truy cập ngày 24/7/2025.

²⁶ CIA, "Burma", *The Central Intelligence Agency (CIA)*, July 23, <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/burma/>, truy cập ngày 24/7/2025.

²⁷ Grundy-Warr, C., & Wong Siew Yin, E., "Geographies of displacement: the Karenni and the Shan across the Myanmar-Thailand border", *Singapore Journal of Tropical Geography*, 23(1), (2002): 93-122.

1.4. Biên giới Miến Điện - Lào

Dưới thời thuộc địa Anh, Miến Điện có một đoạn biên giới ngăn với Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, nằm tại khu vực Tam giác Vàng - nơi sông Mekong chảy giữa tỉnh Kengtung (bang Shan, Miến Điện) và lãnh thổ Lào. Sau cuộc khủng hoảng năm 1893, Xiêm buộc phải nhượng Lào cho Pháp, làm dấy lên lo ngại của Anh về nguy cơ Pháp bành trướng tới sát biên giới Miến Điện. Để tránh xung đột, ngày 15 tháng 1 năm 1896, Anh và Pháp đã ký tuyên bố chung, chính thức phân định ranh giới giữa hai đế quốc tại vùng thượng lưu sông Mekong. Tuyên bố này quy định toàn bộ bờ Tây sông Mekong (tức bang Kengtung) thuộc về Anh, còn bờ Đông (tức Lào) thuộc về Pháp. Ranh giới trên sông kéo dài cho đến điểm gặp biên giới Trung Quốc, tạo nên một điểm nối biên giới ba nước Lào (thuộc Pháp) - Miến Điện (thuộc Anh) - vương triều Thanh (Trung Quốc) trên dòng Mekong. Sau khi lần lượt giành độc lập vào các năm 1948 và 1954, Miến Điện và Lào tiếp quản toàn bộ đường biên giới này từ các chính quyền thực dân. Vào năm 1993, Miến Điện và Lào ký hiệp ước phân định biên giới, kế thừa nguyên trạng đường ranh giới theo trung tuyến sông Mekong từ thời thuộc địa. Nhờ đặc điểm địa hình sông nước đơn giản và dễ nhận diện, tuyến biên giới dài gần 238 km giữa Miến Điện và Lào hầu như không xảy ra tranh chấp đáng kể nào²⁸.

2. Một vài nhận xét

Nhìn tổng thể, sự hình thành các đường biên giới trên bộ giữa Miến Điện và bốn quốc gia láng giềng dưới thời thuộc địa Anh mang đậm dấu ấn của tư duy thực dân, được chi phối bởi những toan tính chính trị - kinh tế của đế quốc Anh hơn là bởi thực tế bản địa.

Trước hết, đây là một tiến trình đàm phán và thương lượng kéo dài nhưng mang tính bất cân xứng rõ rệt. Với ưu thế quân sự và ngoại giao vượt trội, Anh gần như áp đặt ý chí của mình lên các bên liên quan, từ triều đình Konbaung đang suy yếu, Xiêm ở thế lưỡng nan giữa Anh và Pháp, cho đến nhà Thanh trong giai đoạn lụi tàn. Tư duy kỹ trị và thực dụng của chính quyền thực dân thể hiện rõ trong cách phân định biên giới: các đường ranh giới chủ yếu được kẻ thẳng hoặc dựa trên các yếu tố tự nhiên dễ nhận diện như sông và núi, nhằm thuận tiện cho quản lý hành chính, bảo đảm an ninh cho Ấn Độ thuộc Anh và kiểm soát các tuyến thương mại. Yếu tố lịch sử và văn hóa của các cộng đồng bản địa hầu như không được tính đến.

²⁸ Office of the Geographer, "Burma - Laos Boundary", *International Boundary Study*, No. 33, June 18, 1964, <https://library.law.fsu.edu/Digital-Collections/LimitsinSeas/pdf/ibs033.pdf>, truy cập ngày 26/7/2025.

Thứ hai, các đường biên do thực dân Anh xác lập nhìn chung có tính bền vững tương đối cao, phần lớn vẫn được giữ nguyên cho đến nay và góp phần hình thành một trật tự địa chính trị ổn định ở tiểu vùng Đông Nam Á lục địa. Tuy nhiên, chính cách phân định này đã chia cắt các cộng đồng dân tộc lâu đời như Naga và Chin (giữa Miến Điện và Ấn Độ), Shan và Karen (giữa Miến Điện và Thái Lan), hay Rakhine/Chittagonian (giữa Miến Điện và Bangladesh). Hệ quả là các mạng lưới giao lưu truyền thống bị phá vỡ, đồng thời xuất hiện những bản sắc sắc tộc - chính trị mới. Sau khi Miến Điện giành được độc lập, nhiều nhóm thiểu số đã dựa vào những bản sắc ấy để chính danh hóa các phong trào nổi dậy xuyên biên giới, biến các đường biên không chỉ là ranh giới hành chính mà còn trở thành những “đường nứt” an ninh - xã hội kéo dài đến tận ngày nay.

Cuối cùng, việc phân định biên giới với từng quốc gia láng giềng phản ánh các động lực chính trị - kinh tế khác nhau của đế quốc Anh. Ở biên giới phía Tây với Ấn Độ, ưu tiên hàng đầu là bảo đảm an ninh cho Ấn Độ thuộc Anh và kiểm soát di cư, dẫn tới việc vạch ra những đường ranh kỹ trị rõ ràng và siết chặt quản lý tại vùng đồi núi Chin và Nagaland. Ngược lại, ở phía Bắc với Trung Quốc, Anh phải tiến hành nhiều vòng thương lượng kéo dài với nhà Thanh để bảo vệ các tuyến thương mại chiến lược qua Vân Nam. Tại biên giới phía Đông với Thái Lan, mục đích chính của Anh là duy trì trạng thái cân bằng quyền lực với Pháp ở Đông Dương. Trong khi đó, tuyến biên giới ngắn với Lào hầu như chỉ được xác lập qua một thỏa thuận ngoại giao mang tính hình thức, vì cả Anh và Pháp đều không coi đây là khu vực trọng yếu. Sự khác biệt này cho thấy việc phân định biên giới không theo một khuôn mẫu cố định, mà phụ thuộc vào các ưu tiên chiến lược riêng của Anh đối với từng nước láng giềng của Miến Điện.

Kết luận

Sự hình thành biên giới trên bộ của Miến Điện dưới thời thuộc Anh vừa đặt nền móng cho địa giới quốc gia hiện đại, vừa để lại những hệ quả chính trị - xã hội sâu sắc kéo dài đến thế kỷ XXI. Thông qua các hiệp ước và công ước ký kết cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân Anh áp đặt một hệ thống biên giới cố định theo tư duy thực dân phương Tây, nhằm ổn định quan hệ lãnh thổ với các nước láng giềng như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan và Lào. Phần lớn các đường biên giới này vẫn được giữ nguyên cho đến nay, góp phần hạn chế xung đột vũ trang quy mô lớn trong khu vực. Tuy nhiên, chúng chủ yếu phục vụ lợi ích chiến lược của các nước đế quốc, ít phản ánh thực tế lịch sử và văn hóa bản địa, dẫn đến việc chia cắt các cộng đồng

dân tộc lâu đời, phá vỡ mạng lưới giao lưu truyền thống và hình thành những bản sắc sắc tộc - chính trị mới, trở thành nguồn cơn của nhiều phong trào nổi dậy xuyên biên giới trong thời kỳ hậu thuộc địa.

Liên hệ với bối cảnh Đông Nam Á rộng lớn hơn, những dấu ấn tương tự của quá trình phân giới thời thuộc địa cũng góp phần lý giải các xung đột đương đại, chẳng hạn tranh chấp quanh đền Preah Vihear giữa Thái Lan và Campuchia. Thực tế này cho thấy, biên giới thuộc địa không chỉ là một vấn đề của quá khứ mà còn mang tính thời sự sâu sắc: nó đặt ra yêu cầu kết hợp quản trị lãnh thổ với hiểu biết toàn diện về bản sắc văn hóa - xã hội địa phương, nhằm giảm thiểu xung đột và thúc đẩy hợp tác xuyên quốc gia. Vì vậy, di sản biên giới thuộc địa cần được nhìn nhận không chỉ như một dấu ấn lịch sử bị áp đặt, mà còn như một thách thức hiện hữu trong tiến trình xây dựng một Đông Nam Á ổn định và hòa hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aung-Thwin, Michael. *Pagan: The Origins of Modern Burma*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 1985.
- Brownlie, I. *African Boundaries: A Legal and Diplomatic Encyclopaedia*. London: C, Hurst and Company, 1979.
- Charney, Michael. *A History of Modern Burma*. Cambridge: Cambridge University Press, 2009.
- Furnivall, J.S. *Colonial Policy and Practice: A Comparative Study of Burma and Netherlands India*. Cambridge: Cambridge University Press, 1948.
- Grundy-Warr, C., & Wong Siew Yin, E. "Geographies of displacement: the Karenni and the Shan across the Myanmar - Thailand border". *Singapore Journal of Tropical Geography*, 23(1) (2002).
- Harvey, G.E. *History of Burma: From the Earliest Times to 10 March 1824*. London: Frank Cass & Co., 1925.
- Jacques P. Leider. "What Is Arakan? Territory, Historical Geography and the Ethno-National Dissent in Myanmar's Rakhine State". *Policy Brief Series*, No. 164 (2025).
- Jennings, R. and A. Watts (eds). *Oppenheim's International Law (9th edition)*. London: Longman, 1992.
- Lieberman, Victor. *Strange Parallels: Southeast Asia in Global Context, c.800-1830*. Vol.1. Cambridge: Cambridge University Press, 2003.
- Office of the Geographer. "Burma - Laos Boundary". *International Boundary Study*, No.33, June 18, 1964, <https://library.law.fsu.edu/Digital-Collections/LimitsinSeas/pdf/ibs033.pdf>, truy cập ngày 26/7/2025.
- Office of the Geographer. "Burma - India Boundary". *International Boundary Study*, No. 80 (1968), <https://library.law.fsu.edu/Digital-Collections/LimitsinSeas/pdf/ibs080.pdf>, truy cập ngày 24/7/2025.
- Parliament of the United Kingdom. *Government of India Act, 1935 (25 & 26 Geo. 5 c.42)*. London: His Majesty's Stationery Office, 1942.
- Scott, James C. *The Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*. New Haven: Yale University Press, 2009.
- Tagliacozzo, E. "Ambiguous commodities, unstable frontiers: the case of Burma, Siam, and imperial Britain, 1800-1900". *Comparative Studies in Society and History*, 46(2) (2004): 354-377.
- Thant Myint-U (2001), *The Making of Modern Burma*, Cambridge: Cambridge University Press.
- Woodman, D. *The Making of Burma*, London: The Cresset Press, 1962.